

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG MẦM NON NOONG BUA
(Phiên họp thứ nhất năm học 2025-2026)

Căn cứ thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường mầm non;

Quyết định số 317/QĐ- UBNDTP ngày 26 tháng 1 năm 2022 của UBND thành phố Điện Biên Phủ, về việc công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng trường các trường mầm non thành phố Điện Biên Phủ, nhiệm kỳ 2022- 2027;

Căn cứ Biên bản thống nhất của Hội đồng trường;

Hội đồng trường trường mầm non Noong Bua nhất trí thông qua Nghị quyết phiên họp lần thứ nhất năm học 2025-2026 như sau,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2025-2026; kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, Đoàn TN; các chỉ tiêu phấn đấu trong năm học 2025-2026.

I. Chỉ tiêu huy động trẻ ra lớp (số trẻ, số nhóm lớp, số lớp)

Phấn đấu huy động: Trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 50% trở lên; trẻ mẫu giáo đạt 100% trở lên; trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%.

II. CÁC DANH HIỆU - THI ĐUA (tập thể, cá nhân)

- Huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp:

+ Trẻ nhà trẻ: đạt 50%

+ Trẻ 3 - 5 tuổi: đạt 100%

+ Trẻ 5 tuổi: đạt 100%

Huy động số trẻ từ 3 tháng tuổi - 5 tuổi trên địa bàn ra lớp 173/206 = 83,9%. Trong đó:

+ Huy động trẻ nhà trẻ 3- dưới 36 tháng tuổi 33/66 = 50,0%.

+ Huy động trẻ MG 3-5 tuổi 140/140 = 100%.

+ Huy động trẻ 5 tuổi ra lớp 55/55 = 100%.

* Số Nhóm, lớp: 08 (Nhóm trẻ: 2 nhóm; Lớp Mẫu giáo: 6 lớp)

* Số lượng trẻ: 171 trẻ

+ Nhóm 25 - 36 tháng: 2 lớp = 34trẻ.

+ Khối mẫu giáo lớn: 2 lớp = 55 trẻ.

+ Khối mẫu giáo nhỏ: 2 lớp = 46 trẻ.

+ Khối mẫu giáo bé: 2 lớp = 36trẻ.

III. CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Chất lượng đội ngũ:

** Hội thi GVG các cấp:*

GV đạt danh hiệu GVG: $17/18 = 94.4\%$

Duy trì GVG cấp tỉnh: $2/18 = 11.1\%$

GVG cấp phường: $5/18 = 27.7\%$

GVG cấp trường: $10/18 = 55.5\%$

** Xếp loại hồ sơ giáo án:*

- 100% GV sử dụng HS sổ sách đảm bảo tinh gọn hiệu quả, không phát sinh hệ thống hồ sơ, sổ sách so với quy định.

** Chuyên môn - Chuyên đề:*

100% CBQL, GV được tham gia, tổ chức tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN sau sửa đổi, bổ sung.

100% giáo viên thực hiện nội dung phát triển chương trình, đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng “Lấy trẻ làm trung tâm”.

2/2 tổ triển khai tốt nội dung SHCM. 100% CBQLGV tham gia.

100% giáo viên khối MGB, MGN, MGL hỗ trợ, phối hợp với trung tâm ngoại ngữ - tin học triển khai tốt cho trẻ làm quen tiếng Anh (trên cơ sở phụ huynh tự nguyện đăng ký)

8/8 nhóm lớp tiếp tục thực hiện chuyên đề “*Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm*”, “*đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ*”... Lồng ghép, tích hợp các chuyên đề vào thực hiện chương trình giáo dục mầm non một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp. Giáo dục truyền thống Điện Biên Phủ Anh hùng, lòng yêu quê hương đất nước, giữ gìn phát huy các giá trị văn hóa... Thực hiện hiệu quả kế hoạch thực hiện chương trình “*Tôi yêu Việt Nam*” lồng ghép giáo dục ATGT, đẩy mạnh mô hình “*Cổng trường an toàn giao thông*”.

8/8 nhóm lớp ứng dụng giáo dục STEAM trong thực hiện chương trình GDMN phù hợp với tình hình thực tế của trẻ, trường, lớp, địa phương.

** Các hội thi:*

Hội thi của cô: Thi GVĐG cấp trường, cấp phường...

Hội thi của trẻ: “*BKBN*” cấp trường; Giao lưu “*Bé với ngày hội văn hóa dân tộc*” theo cụm trường.

** Công tác bồi dưỡng thường xuyên.*

100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

Thực hiện nghiêm túc Thông tư 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế BDTX GV, CBQL. Thông tư số 12/2019/TT-BGDĐT ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên CSGDMN. Thông tư 17/2022/TT-BGDĐT ngày 5/12/2022 của Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế BDTX... ban hành kèm theo thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT.

Hình thức tổ chức: giáo viên xây dựng kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng, tổ chức sinh hoạt theo tổ nhóm, lớp, cụm trường.

1.2. Xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp

* *Chất lượng đánh giá xếp loại chuẩn HT, PHT*

+ Tốt: $3/3 = 100\%$. Nữ $3/3$ đồng chí đạt 100%

* *Chất lượng giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp*

+ Tốt: $15/18 = 83,33\%$

+ Khá: $3/18 = 16,67\%$

* *Xếp loại viên chức:*

+ Xuất sắc: $4/18$ Gv = $22,2\%$

+ Tốt: $14/18$ Gv = $77,8\%$

2. Chất lượng chăm sóc, giáo dục

2.1. Công tác chăm sóc sức khỏe và nuôi dưỡng

- Chất lượng chăm sóc: 100% trẻ ăn bán trú tại trường đều được đảm bảo an toàn tuyệt đối; được cân đo và theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng và được khám sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần; được rửa tay bằng xà phòng dưới vòi nước (nước ấm về mùa đông); 100% trẻ được uống nước sôi để nguội, súc miệng bằng nước sôi để nguội sau khi ăn, 100% trẻ có đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân và được ký hiệu riêng cho từng trẻ như: Khăn, ca, cốc...

Trong năm học nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đề ra các giải pháp để làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh như làm tốt công tác phối với trung tâm y tế dự phòng, y tế phường để phun trùng, khử độc toàn bộ bề mặt trường, lớp học, cho rửa đồ dùng đồ chơi, bàn ghế, dụng cụ ăn uống, vì vậy trong năm học nhà trường không để xảy ra mất an toàn vệ sinh ATTP, ngộ độc hay dịch bệnh xảy ra trong nhà trường.

- Chất lượng nuôi dưỡng.

+ Tổng số trẻ được theo dõi sức khỏe trên biểu đồ: $171/171$ trẻ, đạt 100%

* Kết quả đạt được

+ Số trẻ có cân nặng bình thường: $168/171$ cháu, đạt $98,2\%$.

+ Số trẻ có chiều cao bình thường: $169/171$ cháu, đạt $98,8\%$;

+ Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: $3/171$ cháu, chiếm $1,8\%$

+ Béo phì: 0 cháu, chiếm 0% . Nữ 0

+ Số trẻ SDD thể thấp còi: $2/171$ chiếm $1,2\%$.

- Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 3% và từ đầu đến cuối năm $2,5\%$

+ Chỉ số BMI theo tuổi: Tổng số trẻ được đánh giá $80/101$: Trong đó: Trẻ đạt BMI BT: $80/80$ đạt 100% ; Trẻ Thừa cân: 0 chiếm 0% ;0. Béo phì: 0 chiếm 0%

+ 100% trẻ được đảm bảo an toàn.

2.2. Chất lượng giáo dục (Thực hiện chương trình, các hội thi của trẻ, việc đánh giá trẻ,...)

Đa số trẻ trong trường có nền nếp thực hiện tốt tất cả các hoạt động trong ngày, tích cực tham gia vào các hoạt động trải nghiệm, khám phá lĩnh hội kiến thức qua các hoạt động giáo dục hoạt động vui chơi hàng ngày. Trẻ tự tin mạnh dạn khi giao tiếp, có nhận thức tốt, có kỹ năng giao tiếp tốt, biết yêu thương giúp đỡ và hợp tác với bạn trong lớp để thực hiện các hoạt động học tập, vui chơi và có ý thức bảo vệ môi trường.

* Kết quả:

Chi tiêu (phần đầu đến cuối năm học)

Bé chăm: $167/171 = 97,6\%$.

Bé ngoan: $167/171 = 97,6\%$.

Bé sạch: $171/171 = 100\%$.

Bé khoẻ - Bé ngoan: $140/171 = 81,9\%$.

Nề nếp tốt: 8/8 lớp, tỷ lệ 100%

- Tổng số học sinh: 171 trẻ. Tổng số trẻ được đánh giá: 171 trẻ.

- Số trẻ đạt mục tiêu phát triển cuối độ tuổi: $171/171 = 100\%$.

- Số trẻ chưa đạt mục tiêu phát triển cuối độ tuổi: 0

- Tổng số chỉ số trẻ được đánh giá theo chỉ số 148 (Nhà trẻ 14 chỉ số, MG bé 32 chỉ số, MG nhỡ 69, MGL 33 chỉ số)

- 100% trẻ 5 tuổi đạt yêu cầu của bộ chuẩn, mục tiêu CTGDMN.

- 100% các lớp đảm bảo chất lượng CSGD trẻ từ mức khá trở lên.

Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN, đảm bảo 100% các khối lớp thực hiện chương trình GDMN mới.

Học sinh khối MGB, MGN, MGL (phụ huynh tự nguyện đăng ký cho con) được làm quen với tiếng Anh.

Tổ chức hội thi "Bé khoẻ- Bé ngoan" cấp trường. "Ngày hội văn hóa các dân tộc" theo cụm trường.

Các hoạt động ngoại khóa, tham quan, trải nghiệm: Tuyên truyền pháp luật về ATGT, trung thu, 22/12, Tết nguyên đán, 7/5...

IV. XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học

* Xây dựng mới, bổ sung

Trang trí khu vui chơi ngoài trời, nhà PTVĐ cho trẻ trải nghiệm.

Bổ sung: Vòi nước, Bóng điện 1 số lớp bị cháy, bổ xung đồ dùng, dụng cụ cho nhà bếp và các lớp học....

Làm mới 1 số tranh tuyên truyền: Tranh tuyên truyền, phong băng zôn khẩu hiệu, biển tên, bảng biểu cần thiết...;

Mua bổ sung cây hoa, cây cảnh; CSVC, đồ dùng phục vụ công tác bán trú đã cũ, hỏng không sử dụng được: nồi, bếp ga, xoong chia cơm, thìa, bát, dao, ủng, thớt, rổ rá, dầu đồ bếp hầm đun...

2. Tham mưu, mua sắm, tự làm trang thiết bị dạy học - đồ dùng, đồ chơi, học liệu.

100% số nhóm lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi trang thiết bị trong danh mục theo quy định.

100% nhóm lớp có đồ dùng dạy học, đồ chơi tự tạo theo các chủ đề.

V. CÁC CÔNG TÁC KHÁC

1. Công tác xã hội hoá giáo dục

Huy động sự hỗ trợ từ các nhà hảo tâm, các tổ chức xã hội và sự hỗ trợ của cha mẹ học sinh với chỉ tiêu phần đầu:

+ Hỗ trợ xây dựng CSVC, thiết bị, cảnh quan.: (Có dự toán riêng)

+ Hỗ trợ hoạt động phong trào: (*Có dự toán riêng*)

- Tham mưu với Đảng ủy, chính quyền địa phương, với các ban ngành đoàn thể trong phường huy động các nguồn lực phát triển giáo dục của nhà trường

- Kiện toàn Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường, xây dựng nội dung phối hợp giữa nhà trường với ban đại diện cha mẹ học sinh, với cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc - giáo dục trẻ, tổ chức các hội thi, các hoạt động lễ hội được tổ chức trong năm học.

Nhà trường tiếp tục thực hiện chủ trương tăng cường huy động các nguồn lực từ xã hội, cộng đồng đầu tư phát triển giáo dục mầm non và coi đây là nhiệm vụ quan trọng của nhà trường (cử người phụ trách, giao nhiệm vụ, công khai, kiểm tra giám sát...). Thực hiện nghiêm túc các quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GDĐT.

Nhà trường phối hợp với các đoàn thể, tổ chức xã hội, cá nhân, cha mẹ trẻ em để huy động trẻ đi học, đi học chuyên cần và tổ chức các hoạt động giáo dục theo chương trình, kế hoạch giáo dục của cơ sở GDMN, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục.

Huy động các nguồn lực đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng phục vụ tổ chức bữa ăn bán trú, bảo đảm các điều kiện tổ chức bữa ăn cho trẻ ở trường đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh, theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá và đồng bộ.

2. Xây dựng trường xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện.

100% nhóm lớp, phòng chức năng sắp xếp đồ dùng đồ chơi gọn gàng, ngăn nắp, đảm bảo an toàn cho trẻ. Trang trí lớp đẹp, thẩm mỹ, khoa học, môi trường thân thiện gần gũi với trẻ.

Cải tạo vườn cây của bé, khu vui chơi trải nghiệm cho trẻ, góc trải nghiệm, góc khám phá; thư viện thân thiện...

Làm mới các khẩu hiệu tuyên truyền, trường học hạnh phúc...

3. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia

Duy trì các tiêu chí đạt chuẩn quốc gia mức độ II, các tiêu chí duy trì các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục mức độ 3.

4. Giáo dục an toàn giao thông, GD bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả; Giáo dục tài nguyên môi trường, biển, hải đảo..

- 100% trẻ mẫu giáo được giáo dục ATGT, giáo dục BVMT, GD sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, giáo dục tài nguyên môi trường, biển, hải đảo,... với các nội dung, hình thức giáo dục phù hợp độ tuổi.

- 100% số trẻ có ý thức chấp hành các quy định an toàn giao thông, có hành vi ứng xử đúng với môi trường và có ý thức, thói quen sử dụng tiết kiệm điện, nước, yêu lao động...

- Các lớp có các góc tuyên truyền đầy đủ đồ dùng, phương tiện giáo dục ATGT, GDBVMT, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành cho 100% giáo viên trong việc thực hiện giáo dục trẻ.

- Xây dựng khu vui chơi giao thông ở sân trường.

5. Xây dựng trường có đời sống văn hóa tốt

Giữ vững danh hiệu trường có đời sống văn hóa tốt

Phần đầu có 100% CB, GV, NV đạt danh hiệu lao động tiên tiến, 20% đạt CSTĐ cấp cơ sở; 95% trở lên đạt giáo viên dạy giỏi các cấp, không có CB, GV, NV bị kỷ luật. 100% gia đình đạt gia đình nhà giáo văn hóa.

Khuôn viên trường, lớp, phòng làm việc gọn gàng, sạch sẽ. Có cây xanh, cây tạo bóng mát trong sân trường. Có nguồn nước sạch cho các hoạt động dạy và học, có hệ thống thoát nước hợp vệ sinh.

Giữ gìn khối đoàn kết nội bộ trong cơ quan. Môi trường sư phạm lành mạnh (không có CBGV, NV mắc các tệ nạn xã hội).

6. Xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích

Môi trường XQ trường nhà trường luôn tuyệt đối an toàn và có hiệu quả.

Giảm được các yếu tố nguy cơ gây thương tích cho trẻ trong nhà trường (80% trở nên các nội dung theo bảng kiểm trường học an toàn được đánh giá là đạt).

Trong năm không có trẻ bị thương tích phải nằm viện do tai nạn, thương tích xảy ra trong trường.

Đảm bảo 100% an toàn tính mạng tuyệt đối cho trẻ, phòng tránh các tai nạn thương tích và phòng tránh thất lạc.

Phòng, chống và xử lý tốt hóc sặc, ngộ độc, tai nạn, phỏng bỏng, điện giật

100% trẻ được bảo đảm an toàn; vệ sinh ATTP, không để xảy ra dịch bệnh và ngộ độc.

7. Công tác cải cách quản lý hành chính, tài chính, tài sản

- Quản lý, sử dụng các nguồn ngân sách nhà nước, các nguồn thu xã hội hóa giáo dục đúng mục đích, đúng quy định, công khai.

- Đảm bảo lập dự toán, chi trả, sử dụng đúng mục đích các nguồn hỗ trợ của học sinh gồm: hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ bữa ăn trưa, cấp bù miễn giảm học phí.

- Thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên và học sinh.

- Mở sổ sách theo dõi thu, chi các loại quỹ từ XHH giáo dục.

- Xây dựng KH sử dụng quỹ, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

- Hàng quý, kỳ quyết toán, công khai thu chi tài chính.

8. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước.

100% CBGVNV sử dụng, UDCNTT trong công tác quản lý và CSGD trẻ.

100% CBGVNV có nhận thức đúng đắn về công tác BVBMNN, bí mật nội bộ.

100% CBGVNV ký cam kết thực hiện nội quy bảo vệ bí mật Nhà nước, thực hiện việc lưu giữ hồ sơ đúng quy định.

9. Công tác pháp chế, giáo dục phổ biến pháp luật, công tác kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

100% CBGVNV có nhận thức đúng đắn trong việc tìm hiểu và thực hiện luật, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác GD&ĐT.

100% CBGVNV tham gia các lớp tập huấn về công tác pháp chế theo quy định.

10. Thực hiện quy chế dân chủ

100% CBGVNV nắm được yêu cầu thực hiện dân chủ trong nhà trường.
100% quyền làm chủ của đội ngũ CBCCC trong nhà trường theo luật định,
Xây dựng nền nếp, trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động của nhà trường,
100% không có các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội,
100% cán bộ GVNV ký cam kết thực hiện nội quy, quy chế dân chủ trong nhà trường.

11. Công tác phòng chống tham nhũng, chống lãng phí.

100% CB, GV có ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, bảo vệ của công; sửa đổi lề lối làm việc, hội họp; xây dựng và giữ gìn tốt cảnh quan, môi trường.

100% CBGVNV có nhận thức đúng đắn trong việc tìm hiểu và thực hiện phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí.

12. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

100% CBGVNV có nhận thức đúng đắn; nắm được các nguyên tắc, hành vi bị nghiêm cấm và trách nhiệm của người tiếp công dân

100% cán bộ CNV-LĐ ký cam kết thực hiện nội quy tiếp công dân

13. Công tác truyền thông.

100% CBGVNV nắm được tầm quan trọng và các nội dung trong công tác truyền thông.

Việc truyền thông được tổ chức chủ động, thường xuyên, kịp thời, hiệu quả.**2.2. Các khoản thu:**

VI. (Đã có phiếu trưng cầu ý kiến của toàn thể các bậc phụ huynh trong toàn trường vào ngày 29 tháng 8/2025 đã được 100% các bậc phụ huynh nhất trí.)

- **Tiền ăn:** 28.000đ/trẻ/ngày;

Trong đó các bữa ăn cụ thể:

Nhà trẻ: 2 bữa chính, 2 bữa phụ (4 bữa)

Mẫu giáo 1 bữa chính, 2 bữa phụ (3 bữa)

- **Tiền phục vụ:** Mức thu: 9.000đ/trẻ/ngày. Phục vụ ăn sáng, thuê nhân viên nấu ăn; thu và quyết toán theo tháng để chi trả cho CB, GV, NV phục vụ trẻ ăn sáng; lương hợp đồng nấu ăn của nhân viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- **Tiền cơ sở vật chất, đồ dùng, vật tư phục vụ bán trú:** Mức thu: 2000đ/trẻ/ngày, thu theo 9 x 40.000/1hs/1tháng;

+ Mua đồ dùng phục vụ công tác dọn vệ sinh cho nhà bếp, các lớp: Chổi chít, chổi lau nhà, chổi nhựa, chổi rế, găng tay cao su, hót rác...

+ Mua đồ vệ sinh hàng ngày cho trẻ: Giấy vệ sinh, xà phòng, vim lau nhà, vim bồn cầu, bột thông cống, xà phòng giặt khăn, nước rửa tay Laiboy...

+ Mua bổ sung bát, thìa, rổ, rá, xô, chậu, dao, thớt, mua dầu đổ vào nồi đun, mua bổ sung đồ dùng cần thiết cho bếp ăn bán trú; mua bổ sung chiếu cho học sinh các lớp, mua xoong, sửa chữa nhỏ phục vụ bán trú...

3.2. Dịch vụ trông trưa: Mức thu: 5.000đ/trẻ/ngày; thu và quyết toán theo tháng để chi trả công trực trưa cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

3.4 Dịch vụ dọn vệ sinh: Mức thu: 90.000đ/trẻ/năm; Thuê quét dọn vệ sinh, chăm sóc bồn hoa cây cảnh, mua đồ dùng, dụng cụ dọn vệ sinh xung quanh trường .

3.5 Dịch vụ quản lý trẻ em, học sinh khi tham gia hoạt động ngoại khóa, thăm quan: Mức thu: 12.000đ/trẻ/năm (Thu theo đợt 2 lần /năm)

3.6 Nước uống: 7.000/1 tháng x 9 tháng =63.000 cả năm

(Các bậc phụ huynh của lớp cùng thống nhất nhờ nhà trường đứng lên hợp đồng chỗ nước sạch uy tín và đảm bảo chất lượng cho trẻ uống hàng ngày giúp các bậc phụ huynh của lớp)

4. Các khoản vận động, tài trợ

(Trên tinh thần vận động, kêu gọi các tổ chức các nhân, các nhà hảo tâm, tự nguyện ủng hộ, để hỗ trợ CSVC và tổ chức các hoạt động trong nhà trường năm học 2025-2026. Không qui định mức bình quân)

a. Tăng cường Cơ sở vật chất trường lớp: Dự kiến tổng dự toán huy động tài trợ: 24.000.000đ

Mua thảm cỏ nhựa nhân tạo, dây cờ, dây hoa, màu 3D, sơn, tranh tuyên truyền cho hoạt động chăm sóc giáo dục mầm non. Qua tranh ảnh chăm sóc giáo dục trẻ. theo chương trình mầm non hiện nay

b. Hỗ trợ các hoạt động học tập và phong trào của học sinh: Dự kiến tổng dự toán huy động tài trợ cho học tập và phong trào của học sinh: 40.000.000

(Chi cho hội thi BKBN cấp trường, ngày hội các văn hoá dân tộc, bồi dưỡng học sinh văn nghệ các ngày lễ hội, in giấy khen, quà cho học sinh cuối năm học).

5. Tổ chức dạy tiếng anh cho trẻ 3-4-5 tuổi

(Đã có phiếu trưng cầu ý kiến của toàn thể các bậc phụ huynh trong khối Bé, nhỡ, lớn ngày 8 tháng 9/2025 đã được 100 % các bậc phụ huynh nhất trí.)

*** Hình thức thu**

Nhà trường vận động các bậc phụ huynh ủng hộ nguồn xã hội hóa giáo dục trên tinh thần đóng góp tự nguyện, không cố định mức thu.

- Ủng hộ 2 đợt/năm học.

+ Đợt 1: Ủng hộ từ 11/2025 đến ngày 15 tháng 12/2025.

+ Đợt 2: Ủng hộ tháng từ ngày 16/12/2025 đến hết 2/2026.

- Trong quá trình nhà trường thực hiện dự toán, nội dung chi có thể điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. *(Trong khi thu nếu phụ huynh có nhu cầu đóng các khoản cùng 1 lần thì nhà trường thu theo nhu cầu của phụ huynh.)*

5. 1. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

Tập trung các giải pháp hiệu quả nhất để duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Nắm vững mục tiêu, điều kiện, tiêu chuẩn, qui định, nghiệp vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Chỉ đạo giáo viên điều tra, cập nhật chính xác thông tin trẻ biến động từ 0-5 tuổi hàng năm trên địa bàn tổ dân phố được phân công phụ trách, vào phiếu theo dõi, báo cáo số liệu 3 lần/năm cho cán bộ phụ trách phổ cập, nhập dữ liệu phần mềm PCGDMNCTNT theo kế hoạch.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra các hoạt động giáo dục của giáo viên ở từng chủ đề theo Chương trình Giáo dục mầm non, chỉ đạo giáo viên phối chặt chẽ với các bậc phụ huynh nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày, cuối năm 100% trẻ hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non, đảm bảo đủ số ngày trẻ đi học theo quy định.

- Tạo mọi điều kiện cho trẻ (Đặc biệt là trẻ 5 tuổi) đến trường đều được ăn, ngủ bán trú tại trường và được học 2 buổi/ngày; được hưởng quyền lợi, chế độ chính sách của nhà nước theo quy định.

6.1. Công tác đoàn thể.

- Chi bộ phân đấu: Chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu.

- Đoàn thanh niên phân đấu chi đoàn vững mạnh tiêu biểu.

* **Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.**

Điều 2. Thông qua kế hoạch năm học 2025-2026 (Kế hoạch đính kèm)

Điều 3. Thông qua dự toán thu, chi các nguồn xã hội hóa của trường năm học 2025-2026 (Đính kèm dự toán)

* **Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.**

Điều 4. Thông qua việc tổ chức nhân sự phân công nhiệm vụ năm học 2024-2025 (Đính kèm Quyết định và danh sách phân công nhiệm vụ)

* **Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%**

Điều 5. Thông qua các loại quy chế và các loại KH năm học 2025-2026.

* **Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.**

Điều 6. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các TV.HĐT;

- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Lý